

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015);

Xét Tờ trình số 3680/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông qua Danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2018 như sau:

- Số lượng: 784 công trình;
- Tổng diện tích: 439,67 ha, trong đó:
  - + Đất trồng lúa: 65,63 ha;
  - + Đất rừng phòng hộ 93,45 ha;
  - + Đất rừng đặc dụng: 1,71 ha;

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 01+02+03+04/Ngày 09-01-2018**

+ Đất khác: 278,88 ha.

Chi tiết từng huyện, thành phố như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình chuyển tiếp	Số lượng công trình năm 2018	Tổng số lượng công trình	Tổng diện tích đăng ký năm 2018 (ha)	Trong đó				Tổng diện tích đăng ký (ha)
						Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng đặc dụng (RD D)	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) +(8)+(9)+(10)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Thành Phố Cao Bằng	31	12	43	21,17	4,58	-	-	16,59	303,29
2	Huyện Bảo Lâm	8	13	21	51,70	6,98	20,00	-	24,72	433,16
3	Huyện Bảo Lạc	11	16	27	205,19	15,70	27,87	-	161,62	238,99
4	Huyện Thông Nông	50	8	58	2,24	0,30	0,49	-	1,45	124,01
5	Huyện Hà Quảng	26	20	46	10,80	2,01	3,75	-	5,04	39,81
6	Huyện Trà Lĩnh	47	19	66	7,19	1,70	2,24	-	3,25	153,85
7	Huyện Trùng Khánh	24	29	53	52,00	15,97	3,59	-	32,44	86,34
8	Huyện Hạ Lang	36	52	88	32,73	9,25	12,93	-	10,55	96,89
9	Huyện Quảng Uyên	37	34	71	14,61	5,14	1,92	-	7,55	49,20
10	Huyện Phục Hoà	50	5	55	8,20	0,71	1,30	-	6,19	222,32
11	Huyện Hoà An	13	2	15	3,34	0,20	-	-	3,14	221,20
12	Huyện Nguyên Bình	113	36	149	17,10	0,73	11,13	1,71	3,53	89,16
13	Huyện Thạch An	73	19	92	13,41	2,37	8,23	-	2,81	153,64
	<b>Tổng cộng</b>	<b>519</b>	<b>265</b>	<b>784</b>	<b>439,67</b>	<b>65,63</b>	<b>93,45</b>	<b>1,71</b>	<b>278,78</b>	<b>2.211,84</b>

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Trường hợp phát sinh dự án, công trình mới thì Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Đàm Văn Eng**